



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán ngân hàng thương mại HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	01					ĐK
2	000002	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	01	1	3,2	01	Linh	chẵn
3	000003	1101011259	Đinh Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	01	2	5,3	01	Anh	lẻ
4	000004	1101010766	Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	01	3	4,3	01	Anh	chẵn
5	000005	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	01	4	4,3	01	Hải	lẻ
6	000006	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	01	5	2,5	01	Anh	chẵn
7	000007	1101011261	Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	01	6	5,0	01	Anh	lẻ
8	000008	1101011386	Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	01	7	4,8	01	Bùi	chẵn
9	000009	1101010785	Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	01	8	5,8	01	Chinh	lẻ
10	000010	1101010786	Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	01	9	3,5	01	Cường	chẵn
11	000011	1101011372	Đinh Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	01	10	6,0	01	Đạo	lẻ
12	000012	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	01	11	4,0	01	Đạt	chẵn
13	000013	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH11A	01					HP.ĐK
14	000014	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH11A	01	12	3,0	01	Dũng	chẵn
15	000015	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	01	13	3,8	01	Dương	lẻ
16	000016	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	01	14	2,0	01	Dương	chẵn
17	000017	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	01	15	5,0	01	Dương	lẻ
18	000018	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	01	16	1,5	01	Giang	chẵn
19	000019	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	01	17	6,0	01	Hương	lẻ
20	000020	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	01	18	5,0	01	Hải	chẵn
21	000021	1101010819	Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	01	19	7,8	01	Hòa	lẻ
22	000022	1101010823	Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	01	20	3,5	01	Hồng	chẵn
23	000023	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	01	21	4,0	01	Hồng	lẻ
24	000024	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	01	22	3,0	01	Hùng	chẵn
25	000025	1101010110	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	01	23	6,0	01	Hùng	lẻ
26	000026	1101011279	Nguyễn Khải	Hung	07/10/2005	NH11A	01	24	3,2	01	Hung	chẵn
27	000027	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	01	25	6,0	01	Huyền	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	01	26	4,0	01	Thống	Chấn
29	000029	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	01	27	6,0	01	Khánh	Lê
30	000030	1101011404	Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	01	28	3,5	01	Khánh	chấn
31	000031	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	01	29	3,8	01	Kiên	Lê
32	000032	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	01	30	8,3	01	Lam	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 30.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 05... tháng 01.. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng Xiem Nguyễn Thị Đào



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán ngân hàng thương mại HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Chị chủ
1	000033	1101010844	Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	01	31	3,0	01	Linh	lẻ
2	000034	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	01	32	3,0	01	Linh	chẵn
3	000035	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	01	33	6,5	01	Linh	lẻ
4	000036	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	01	34	1,7	01	Linh	chẵn
5	000037	1101010849	Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	01	35	5,5	01	Linh	lẻ
6	000038	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	01	36	1,8	01	Linh	chẵn
7	000039	1001020180	Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH11A	01					HP,ĐK
8	000040	1101010852	Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	01	37	3,5	01	Linh	chẵn
9	000041	1101010859	Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	01	38	4,0	01	Minh	lẻ
10	000042	1101010860	Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	01	39	2,5	01	My	chẵn
11	000043	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	01	40	4,0	01	Minh	lẻ
12	000044	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	01	41	2,5	01	Trà	chẵn
13	000045	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	01	42	5,0	01	NGOC	lẻ
14	000046	1101010874	Nguyễn Trần Thống	Nhất	19/01/2005	NH11A	01	43	4,7	01	Thống	chẵn
15	000047	1101010875	Hoàng Thị Yến	Nhi	04/11/2005	NH11A	01	44	4,0	01	Nhi	lẻ
16	000048	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	01	45	4,0	01	Như	chẵn
17	000049	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	01	46	4,0	01	Hồng	lẻ
18	000050	1101011399	Phạm Thùy	Phương	27/08/2005	NH11A	01	47	1,7	01	Phương	chẵn
19	000051	1101010885	Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	01	48	3,0	01	Quân	lẻ
20	000052	1101011432	Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	01	49	5,5	01	Quang	chẵn
21	000053	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	01	50	2,3	01	Quang	lẻ
22	000054	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	01	51	5,5	01	Quỳnh	chẵn
23	000055	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	01	52	2,8	01	Quỳnh	lẻ
24	000056	1101010896	Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	01	53	4,5	01	Thảo	chẵn
25	000057	1101010897	Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	01	54	1,3	01	Thiện	lẻ
26	000058	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	01	55	1,8	01	Toàn	chẵn
27	000059	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	NH11A	01	56	6,0	01	Trang	lẻ

Mã đề

7/11/20

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000060	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH11A	01	57	4,8	01	Trí	chưa
29	000061	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	NH11A	01	58	3,5	01	Vân	lẽ
30	000062	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH11A	01					HP,ĐK
31	000063	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	01	59	5,8	01	Vượng	lẽ
32	000064	1101011326	Trần Thị Hải	Yến	29/11/2003	NH11A	01					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 29...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 05 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Vân Thanh
Lê Xuân Hải